Chương I

“Sự phát triển rất lớn của công nghiệp và quá trình tập trung cực kì nhanh chóng của sản xuất vào trong các xí nghiệp ngày càng to lớn, là một trong những đặc điểm tiêu biểu nhất của chủ nghĩa tư bản”.

- Tập trung công nhân:

VD: Ở Đức, cứ 1000 xí nghiệp thì năm 1882 có 3 xí nghiệp lớn, năm 1895 có 6 cái, năm 1907 có 9 cái, cứ 100 công nhân thì có 22, 30, 37 người làm

- Tập trung sản xuất:

VD: 3 265 623 xí nghiệp - 0,9% xí nghiệp lớn - dùng 39,4% tổng công nhân - tốn 75,3% mã lực hơi nước, 77,2% số điện

→hàng triệu “chủ xí nghiệp” hạng nhỏ, hàng vừa và một phần thuộc hạng lớn bị vài trăm tên tư bản tài chính triệu phú nô dịch.

VD: Nước Mĩ

1904: 1900 xí nghiệp lớn nhất - sản lượng mỗi xí nghiệp 1 triệu đô la - 1,4 triệu công nhân

1909: 3060 xí nghiệp lớn nhất - sản lượng tổng 9 tỉ đô la - dùng 2 triệu công nhân

→gần 1 nửa tổng sản lượng nằm trong tay 1% tổng số các xí nghiệp

→khi phát triển đến mức độ nhất định thí sự tập trung tự nó dấn đến độc quyền

→sự cạnh tranh biến thành độc quyền - một trong những hiện tượng quan trong nhất trong nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại

- Chế độ liên hợp hoá: sự tập hợp vào trong tay một xí nghiệp duy nhất nhiều ngành công nghiệp khác nhau, thể hiện giai đoạn kế tiếp nhau hoặc có tác dụng bổ trợ lẫn nhau.

Han-sơ Hi-đê-ôn Hai-man, “Những xí nghiệp hỗn hợp trong nề đại công nghiệp luyện thép ở Đức”: Sự đúng đắn của học thuyết của Các Mác về sự trập trung đã được chứng minh chính xác đối với nền công nghiệp mỏ ở Đức; tuy nhiên, điều đó đúng đối với một nước mà công nghiệp đã được thuế quan và các thuế vận tải bảo hộ. Công nghiệp mỏ ở Đức đã chín muồi để cho người ta tước đoạt nó.

VD: Anh - chế độ tự do mậu dịch - sự tập trung cũng đưa đến độc quyền nhờ quy mô to lớn + trình độ kỹ thuật cao. Tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này khi phát triển tới một mức độ nhất định lại dẫn tới độc quyền.

- Sự phá sản năm 1873: các-ten lợi dụng tình hình thị trường nhưng tiêu vòng “trong cái mồ phá sản”

- Phong trào các-ten bước sang giai đoạn hai: trở thành cơ sở của toàn bộ đời sống kinh tế, chiến hết ngành công nghiệp

- Cuối XIX, 1900 - 1903: chế độ các-ten trở thành chân lí hiển nhiên

- Kết quả chủ yếu trong lịch sử các tổ chức độc quyền:

1. Những năm 1860 và 1870: tự do cạnh tranh phát triển đến tột điểm. Các tổ chức độc quyền chỉ là những mầm mống chưa rõ rệt lắm
2. Sau cuộc khủng hoảng năm 1873, là giai đoạn phát triển rộng rãi của những các-ten, nhưng những các-ten đó vẫn là ngoại lệ. Chúng vẫn còn chưa được vững chắc. Chúng vẫn còn là một hiện tượng nhất thời.
3. Thời kì phồn vinh cuối thế kỉ XIX và cuộc khủng hoảng những năm 1900 - 1903: các-ten trở thành một trong những cơ sở của toàn bộ đời sống kinh tế

→Chủ nghĩa tư bản biến thành chủ nghĩa đế quốc

VD: số liệu về các-ten ở Đức:

1896: 250

1905: 385, 12000 xí nghiệp

VD: số liệu về tơ-rớt ở Mĩ:

1900: 185

1907: 250

Xí nghiệp thuộc các công ti: 1904 - 23,6%, 1909 - 25,9%

Số công nhân: 1904 - 70,6%, 1909 - 75,6%

Sản lượng: 1904 - 73,7%, 1909 - 79%

→7 hay 8 phần 10 tổng sản lượng

→đảm bảo thu nhập khổng lồ, đưa đến hình thành đợ vị kí thuật - sản xuất quy mô rộng lớn phi thường.

VD: Standard Oil Company

Cổ phần: lời 48 48 45 44 36 40 40 40% từ 1900 đến 1907

VD: United States Steel Corporation

Thuê ít nhất 210 180 công nhân và nhân viên

VD: Gelsenkrichener Bergwerksgesellschaft

Dùng 46 048 công nhân và nhân viên, sản xuất 9 triệu tấn thép

Chương II

- **Công việc của ngân hàng:** làm trung gian trong việc trả tiền

→biến tư bản tiền tệ không hoạt động thành tư bản hoạt động

→tư bản đem lại lợi nhuận

→giao cho các nhà tư bản sử dụng

- **Công việc càng phát triển và tập trung vào một số ít cơ quan:** trờ thành những tổ chức độc quyền vạn năng

→một trong những quá trình cơ bản của sự chuyển biến chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa đế quốc tư bản.

- **Sự tập trung của các ngân hàng:**

1907 - 1908: trong các ngân hàng cổ phần ở Đức có một tư bản hơn 1 triệu mác, số tiền gửi đã lên đến 7 tỉ mác

1912 - 1913: số tiền gửi tăng lên 9,8 tỉ mác

→tăng thêm 40%

Trong số 2,8 tỉ, 2,75 tỉ thuộc về 57 ngân hàng ~ mỗi ngân hàng hơn 10 triệu mác.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉ lệ phần trăm trong tổng số tiền gửi | | | | |
|  | Trong 9 ngân hàng lớn ở Béc-lanh | Trong 48 ngân hàng khác có tư bản hơn 10 triệu mác | Trong 115 ngân hàng có tư bản từ 1 đến 10 triệu mác | Trong các ngân hàng nỏ có tư bản dưới 1 triệu |
| 1907 - 1908 | 47 | 32,5 | 16,5 | 4 |
| 1912 - 1913 | 49 | 36 | 12 | 3 |

→9 ngân hàng lớn tập trung gần nửa tổng số những khoản tiền gửi

Cuối năm 1913, 9 ngân hàng lớn ở Béc-lanh có 5,1/10 tỉ tổng số tiền gửi

Cuối năm 1909, 9 ngân hàng lớn ở Béc-lanh, cùng với các ngân hàng phụ thuộc vào chúng, đã quản lí 11,3 tỉ mác, tức là vào khoảng 83% tổng số tư bản ngân hàng ở Đức”

- **Công-xóoc-xi-om:** những xí nghiệp nhỏ “gắn liền” vào các xí nghiệp lớn, nhất là các ngân hàng, phục tùng chúng, sáp nhập vào tập đoàn “của chúng”

Cách “tham dự”: mua bán, trao đổi cổ phần, hệ thống quan hệ vay mượn v.v. và v.v..

Tập đoàn Ngân hàng Đức là một trong những tập đoàn lớn nhất. Sự tham dự bậc nhất, bậc nhì, bậc ba

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Lệ thuộc bậc nhất | Lệ thuộc bậc nhì | Lệ thuộc bậc ba |
| Thường xuyên vào | 17 ngân hàng | Trong số này có 9 ngân hàng tham dự vào 34 ngân hàng khác | Trong số này có 4 ngân hàng tham dự vào 7 ngân hàng khác |
| Trong một thời gian không nhất định | 5’’ | -- | -- |
| Một đôi lúc vào | 8’’ | Trong số này có 5 ngân hàng tham dự vào 14 ngân hàng khác | Trong số này có 2 ngân hàng tham dự vào 2 ngân hàng khác |
| Tổng cộng vào 30 ngân hàng | | Trong số này có 14 ngân hàng tham dự vào 48 ngân hàng khác | Trong số này có 6 ngân hàng tham dự vào 9 ngân hàng khác |

→”kẻ trung gian” trở thành một liên minh của một nhúm nhỏ bọn độc quyền

Ở Đức, sự tập trung hoạt động ngân hàng được tiến hành nhanh chóng vào cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sáu ngân hàng lớn ở Béc-lanh đã có | | | | |
| Năm | Chi nhánh ở Đức | Quỹ tiền gửi và phòng hối đoái | Tham dự thường xuyên vào các ngân hàng cổ phần ở Đức | Tổng số các cơ quan |
| 1895 | 16 | 14 | 1 | 42 |
| 1900 | 21 | 40 | 8 | 80 |
| 1911 | 104 | 276 | 63 | 450 |

→bao phủ cả nước, tập trung vào tư bản và các khoản thu nhập bằng tiền, biến hàng nghìn doanh nghiệp tản mạn thành một đơn vị kinh tế tư bản chủ nghĩa thống nhất toàn quốc, rồi sau đó thành một đơn vị kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới.

- **Ở Pháp:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Số chi nhánh và quỹ | | | Số tư bản | |
|  | Ở các tỉnh | Ở Paris | Tổng cộng | Của bản thân | Của người khác |
| 1870 | 47 | 17 | 64 | 200 | 427 |
| 1890 | 192 | 66 | 258 | 265 | 1245 |
| 1909 | 1033 | 196 | 1229 | 887 | 4363 |

→cùng với sự tập trung tư bản và sự tăng thêm số chu chuyển của ngân hàng, ý nghĩa của chúng cũng thay đổi một cách căn bản

- **Ngân hàng tiến hành:** một hoạt động thuần tuý kĩ thuật, hoàn toàn có tính chất phụ thêm

Nhưng khi các hoạt động này bành trướng tới quy mô to lớn thì ta lại thấy là một nhúm nhỏ bọn độc quyền chi phối được các hoạt động công thương nghiệp toàn xã hội

- **Quỹ tiết kiệm, cơ quan bưu chính cạnh tranh với ngân hàng:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiền gửi (tính theo tỉ mác) | | | | | | | |
|  | Anh | | Pháp | | Đức | | |
|  | Ở ngân hàng | Ở quỹ tiết kiệm | Ở ngân hàng | Ở quỹ tiết kiệm | Ở ngân hàng | Ở hội tín dụng | Ở quỹ tiết kiệm |
| 1880 | 8,4 | 1,6 | ? | 0,9 | 0,5 | 0,4 | 2,6 |
| 1888 | 12,4 | 2,0 | 1,5 | 2,1 | 1,1 | 0,4 | 4,5 |
| 1908 | 23,2 | 4,2 | 3,7 | 4,2 | 7,1 | 2,2 | 13,9 |